

Ngày 31/03/2024	19,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.6%	4.2%	3.7%

	2023	
ROE	14.4%	+/- YoY ▲ 0.2%

	Q1/24		
DT thuần	88.5	QoQ ▲ 9.30 ▲ 11.8%	YoY ▲ 16.4 ▲ 22.8%
	tỷ VNĐ		

	2023	
DT thuần	1,041	YoY ▲ 134 ▲ 14.7%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN gộp	32.0	QoQ ▲ 7.20 ▲ 29.0%	YoY ▲ 3.20 ▲ 11.1%
	tỷ VNĐ		

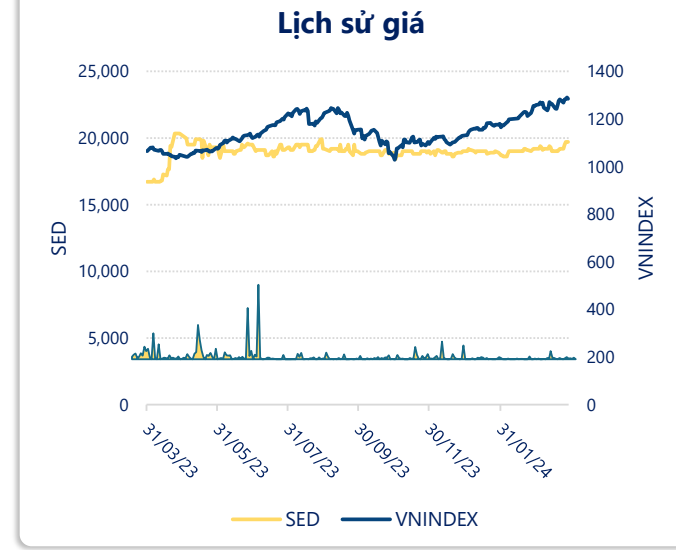
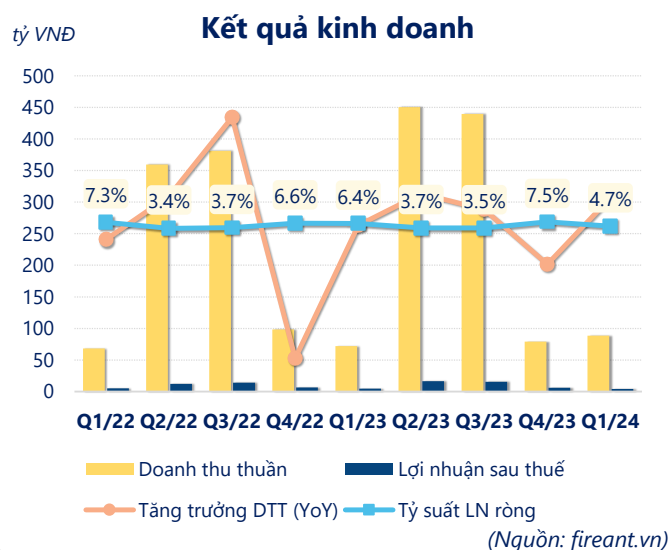
	2023	
LN gộp	260	YoY ▲ 29.0 ▲ 12.7%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN thuần	5.26	QoQ ▼ 5.14 ▼ 49.4%	YoY ▼ 0.57 ▼ 9.7%
	tỷ VNĐ		

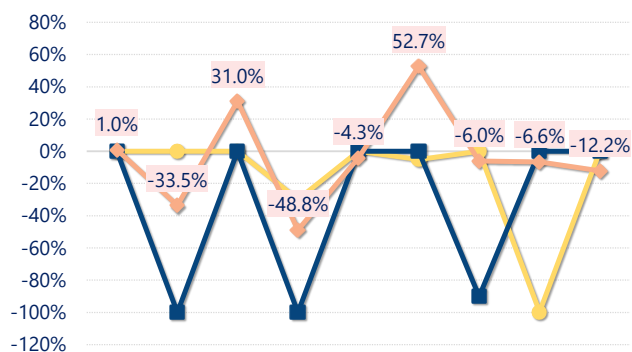
	2023	
LN thuần	57.9	YoY ▲ 6.80 ▲ 13.4%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN sau thuế	4.20	QoQ ▼ 1.73 ▼ 29.1%	YoY ▼ 0.43 ▼ 9.2%
	tỷ VNĐ		

	2023	
LN sau thuế	41.2	YoY ▲ 3.30 ▲ 8.7%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

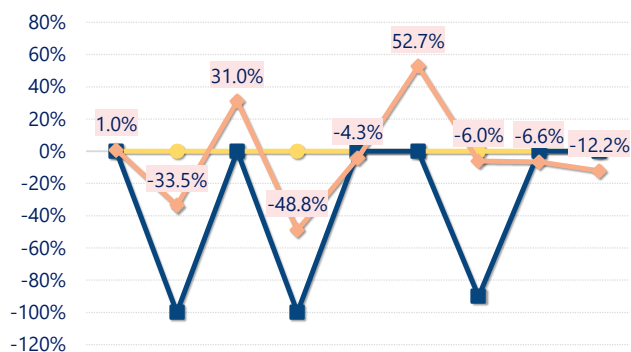


Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

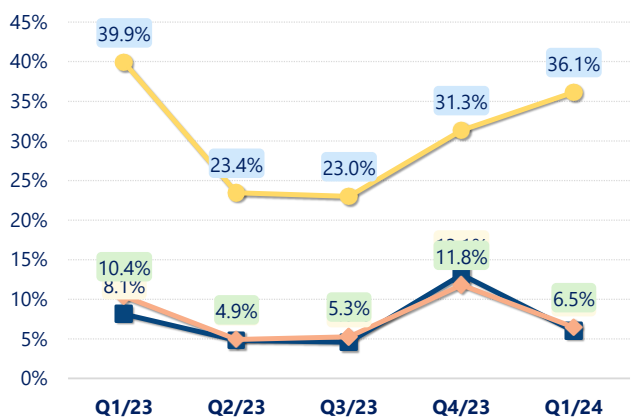


Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

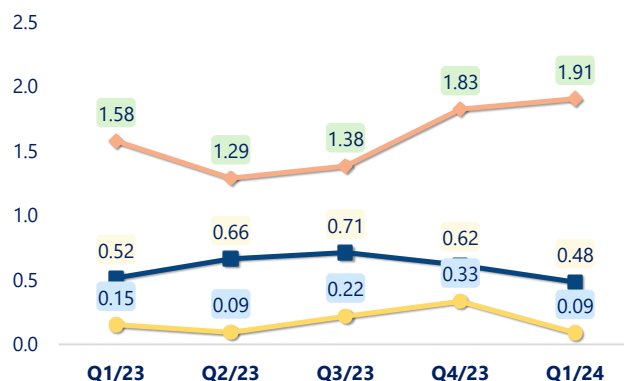


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

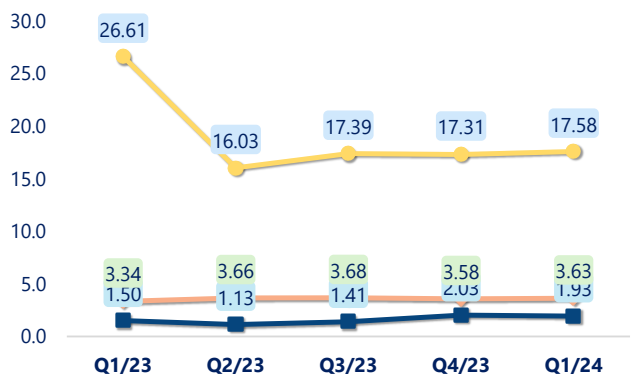


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

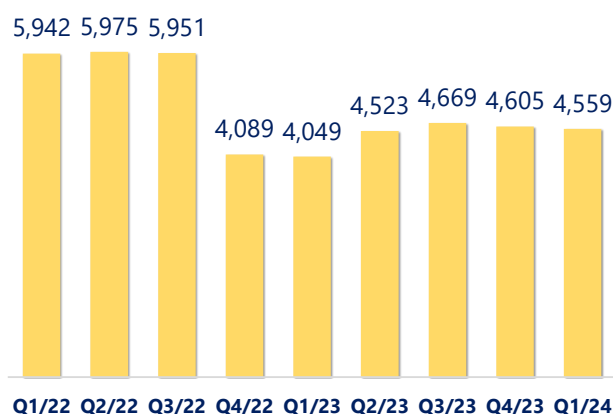


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	88.5	72.1	22.8%	1,041	907	14.7%
Giá vốn hàng bán	56.5	43.3	30.6%	781	677	15.4%
Lợi nhuận gộp	32.0	28.8	11.1%	260	231	12.7%
Doanh thu HĐTC	0.30	0.45	-33.1%	2.55	1.03	147%
Chi phí TC	0.46	1.64	-72.2%	5.95	5.42	9.7%
Chi phí lãi vay	0.46	1.64	-72.2%	4.58	4.66	-1.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	19.2	13.7	40.2%	129	111	16.1%
Chi phí QLDN	7.37	8.04	-8.3%	69.6	64.1	8.6%
LN thuần từ HĐKD	5.26	5.83	-9.7%	57.9	51.1	13.4%
Lợi nhuận khác	-0.01	0.00		-0.38	0.52	-174%
LN trước thuế	5.26	5.83	-9.8%	57.5	51.6	11.5%
Lợi nhuận sau thuế	4.20	4.63	-9.2%	41.2	37.9	8.7%
LNST của CĐ cty mẹ	4.20	4.63	-9.2%	41.2	37.9	8.7%

(Nguồn: fireant.vn)

